

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Long An**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 4767/TTr-SNN ngày 29/7/2019.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Long An, cụ thể như sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác không phải lâm nghiệp đối với trường hợp chủ đầu tư không tự tổ chức trồng rừng thay thế.

Chủ dự án được giao đất, thuê đất có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác phải trồng rừng thay thế bằng diện tích rừng bị chuyển mục đích sử dụng đối với rừng trồng, bằng ba lần diện tích rừng bị chuyển mục đích sử dụng đối với rừng tự nhiên.

Đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác không phải lâm nghiệp là cơ sở để các chủ dự án xây dựng phương án nộp tiền trồng rừng thay thế khi không có điều kiện tự tổ chức thực hiện trồng rừng thay thế theo quy định.

**2. Đối tượng áp dụng**

Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến việc trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.



**3.** Đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được thực hiện như sau:

a) Đối với rừng trồng bạch đàn các loại và rừng trồng keo các loại: 104.000.000 đồng/ha.

b) Đối với rừng trồng tràm các loại khi trồng rừng không lên líp: 49.540.000 đồng/ha.

c) Đối với rừng trồng tràm các loại khi trồng rừng có lên líp: 65.610.000 đồng/ha.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/8/2019.

**Điều 3.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- VP Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- TT. UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng: KTTC, THKSTTHC, CTĐBQH, CTHĐND;
- Ban NCTCD;
- Lưu: VT, Nguyễn.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Cử**

*Nguyễn*